

Số: 19/2017/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
 - Mã chứng khoán: QBS
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
 - Điện thoại: (0225) 626.3333
 - Fax: (0225) 3533.679
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính riêng quý I năm 2017

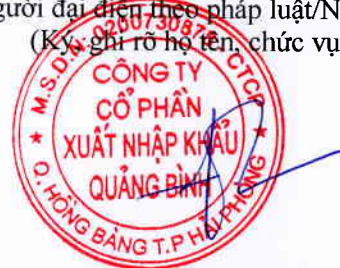
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2017 tại đường dẫn: <http://quangbinhjsc.com.vn/news/272-bao-cao-tai-chinh-rieng-quy-i-nam-2017>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHẠM THỊ NGỌC NINH

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý I năm 2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,085,974,539,843	1,208,694,628,957
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	134,504,896,006	241,533,791,654
111	1. Tiền		30,504,896,006	81,533,791,654
112	2. Các khoản tương đương tiền		104,000,000,000	160,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17,000,000,000	17,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17,000,000,000	17,000,000,000
	- Tiền gửi có kỳ hạn		17,000,000,000	17,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		796,949,548,291	806,957,395,532
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	139,491,497,370	163,968,256,574
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	619,515,583,637	592,326,696,489
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	41,408,681,634	54,128,656,819
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3,466,214,350)	(3,466,214,350)
140	IV. Hàng tồn kho	8	116,345,870,755	117,446,506,134
141	1. Hàng tồn kho		116,345,870,755	117,446,506,134
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21,174,224,791	25,756,935,637
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8,690,716,405	8,891,864,437
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10,000,595,334	9,348,894,295
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2,482,913,052	7,516,176,905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		991,834,835,872	954,698,889,952
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	0. Phải thu dài hạn khác	7		
219	0. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
220	II. Tài sản cố định		247,466,877,897	249,363,589,561
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	160,691,436,458	162,588,148,122
222	- Nguyên giá		181,690,011,904	180,067,675,325
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20,998,575,446)	(17,479,527,203)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	86,775,441,439	86,775,441,439
228	- Nguyên giá		86,775,441,439	86,775,441,439
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	121,952,980,398	60,380,817,701
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		121,952,980,398	60,380,817,701
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	328,608,154,372	320,149,538,963
251	1. Đầu tư vào công ty con		13,720,000,000	13,720,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		105,881,626,363	105,881,626,363
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295,089,294,645	295,089,294,645
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(86,082,766,636)	(94,541,382,045)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		293,806,823,205	324,804,943,727
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	293,806,823,205	324,804,943,727
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,077,809,375,715	2,163,393,518,909

200
CỔ
CỔ
QUẢN LÝ
HÀNG B

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,271,079,158,275	1,375,492,410,071
310	I. Nợ ngắn hạn		905,261,365,690	1,074,379,304,986
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	218,785,769,992	283,407,107,588
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		842,625,531	1,063,031,827
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2,384,168	11,556,062
314	4. Phải trả người lao động		-	663,252,308
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	348,628,543	348,628,543
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	250,033,089	1,705,995,410
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	680,083,159,170	783,315,840,000
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn			-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4,948,765,197	3,863,893,248
330	II. Nợ dài hạn		365,817,792,585	301,113,105,085
331	0. Phải trả người bán dài hạn	13		-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	365,817,792,585	301,113,105,085
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		806,730,217,440	787,901,108,838
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	806,730,217,440	787,901,108,838
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693,299,280,000	693,299,280,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693,299,280,000	693,299,280,000
411b	Cổ phiếu ưu đãi			-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3,049,100,000)	(3,001,100,000)
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9,761,921,400	7,727,786,496
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		106,718,116,040	89,875,142,342
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		86,756,135,489	70,372,214,981
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		19,961,980,551	19,502,927,361
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	0. Nguồn kinh phí		-	-
432	0. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,077,809,375,715	2,163,393,518,909

Hải Phòng, Ngày 28/04/2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Yến Chi

Bùi Thị Ngọc

Nguyễn Thị Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2017		Quý I/2016		Lũy kế đến hết Quý I/2016	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	798,942,960,133	798,942,960,133	1,251,144,236,797	1,251,144,236,797		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		798,942,960,133	798,942,960,133	1,251,144,236,797	1,251,144,236,797		
11	4. Giá vốn hàng bán	20	758,743,888,534	758,743,888,534	1,189,425,718,011	1,189,425,718,011		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40,199,071,599	40,199,071,599	61,718,518,786	61,718,518,786		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,674,850,618	1,674,850,618	5,178,856,944	5,178,856,944		
22	7. Chi phí tài chính	22	6,532,639,116	6,532,639,116	18,322,382,308	18,322,382,308		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5,053,787,645	5,053,787,645	13,954,628,647	13,954,628,647		
25	8. Chi phí bán hàng	23	9,457,101,717	9,457,101,717	16,312,601,253	16,312,601,253		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2,983,554,825	2,983,554,825	1,718,236,296	1,718,236,296		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22,900,626,559	22,900,626,559	30,544,155,873	30,544,155,873		
31	11. Thu nhập khác		2,060,718,816	2,060,718,816	528,992,808	528,992,808		
32	12. Chi phí khác		2,594,674	2,594,674	4,118,815	4,118,815		
40	13. Lợi nhuận khác		2,058,124,142	2,058,124,142	524,873,993	524,873,993		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,958,750,701	24,958,750,701	31,069,029,866	31,069,029,866
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,996,770,150	4,996,770,150	6,219,109,773	6,219,109,773
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19,961,980,551	19,961,980,551	24,849,920,093	24,849,920,093
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				



Trần Thị Yên Chi
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 28/04/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2017	Quý I/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24,958,750,701	31,069,029,866
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3,519,048,243	1,694,279,764
03	- Các khoản dự phòng		(8,458,615,409)	(496,723,379)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		173,539,031	(215,920,022)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,257,834,893)	(2,694,079,663)
06	- Chi phí lãi vay		14,148,289,512	13,954,628,647
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33,083,177,185	43,311,215,213
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(71,834,459,803)	427,970,856,660
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1,100,635,379	(365,185,469,963)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(21,753,132,836)	20,765,753,444
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		31,199,268,554	(151,039,569,833)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14,148,289,512)	(12,354,628,647)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(11,541,745,892)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(42,352,801,033)	(48,073,589,018)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(50,295,972,684)	(46,778,179,816)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		24,000,000,000	
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		155,925,390	1,947,226,318
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26,140,047,294)	(44,830,953,498)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của			
32	2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại			
33	3 Tiền thu từ đi vay		672,514,866,670	776,048,017,194
34	4 Tiền trả nợ gốc vay		(711,042,860,000)	(830,030,166,011)
36	5 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(30,517,800,125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(38,527,993,330)	(84,499,948,942)

02007
CÔNG
CỔ P
XUẤT NH
QUẢNG
BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2017	Quý I/2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(107,020,841,657)	(177,404,491,458)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		241,533,791,654	300,291,079,527
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8,053,991)	14,022,511
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>134,504,896,006</u>	<u>122,900,610,580</u>


Trần Thị Yên Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 28/04/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty tại Cao Bằng	Cao Bằng	Thương mại và dịch vụ
Văn phòng đại diện Móng Cái	Quảng Ninh	Thương mại và dịch vụ
Nhà máy NPK Thủy Nguyên	Hải Phòng	Sản xuất phân bón

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán hoặc tỷ giá giao dịch thực tế nếu tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền. .

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

0073
CÔNG
CỔ P
UẤT N
QUẢ
NG BÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 09 năm |

878
TY
HẠN
ÁP K
NG BÌ
NG T.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

CTC
HÀ
H
HẢI P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Đầu tư ngắn hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000
	<u>17,000,000,000</u>	<u>17,000,000,000</u>	<u>17,000,000,000</u>	<u>17,000,000,000</u>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	13,720,000,000	-	-	13,720,000,000
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	13,720,000,000	-	-	13,720,000,000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	105,881,626,363	-	(504,419,791)	105,881,626,363
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105,881,626,363	-	(504,419,791)	105,881,626,363
Đầu tư vào đơn vị khác	295,089,294,645	209,510,947,800	(85,578,346,845)	295,089,294,645
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295,089,294,645	209,510,947,800	(85,578,346,845)	295,089,294,645
	<u>414,690,921,008</u>	<u>209,510,947,800</u>	<u>(86,082,766,636)</u>	<u>414,690,921,008</u>
				<u>200,547,912,600</u>
				<u>(94,541,382,045)</u>
				<u>(94,541,382,045)</u>

14
1308
IG TY
HÂN
ÁP KI
BÌNH
1308

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	98.00%	98.00%	Hoạt động thương mại các sản phẩm phục vụ nông nghiệp

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Thành phố Hà Nội	36.29%	51.00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Hải phòng	19.17%	19.17%	Sản xuất phân bón

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	9,797,188,911	
Công ty TNHH Hoàng Trung	28,356,655,913	31,521,655,913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	15,379,688,910	19,749,687,889
Công ty SW Intertrade Trading	29,419,733,315	24,797,359,446
Công ty CP DAP 2 Vinachem	30,410,278,881	30,410,278,881
Ông Nguyễn Lã Thảo		24,000,000,000
Các khoản phải thu khách hàng khác	26,127,951,440	33,489,274,445
	139,491,497,370	163,968,256,574
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Ngắn hạn	139,491,497,370	163,968,256,574
	139,491,497,370	163,968,256,574

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	134,485,300,000	-		
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	7,453,516,938	-		
Công ty TNHH ĐT TM xây dựng Thành Phong	3,169,500,000	-	6,610,027,849	-
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	40,000,000,000	-	40,000,000,000	-
Công ty CP đầu tư AFC		-	99,701,750,000	-
Công ty TNHH TM Hoàng Đức			40,000,000,000	
Công ty CP ĐT Sao Thái Dương	28,977,500,000			
Công ty TNHH xây dựng Dũng Huy	47,034,134,000		29,969,000,000	
Công ty CP ĐTvà DV Công nghiệp Thái Nguyên			168,673,963,097	
Công ty CP khu công nghiệp Đình Vũ	29,726,381,476		-	
Trả trước cho người bán khác	328,669,251,223	-	207,371,955,543	-
	619,515,583,637	-	592,326,696,489	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,864,326,925	-	2,770,667,422	-
Phải thu từ hoạt động thoái vốn đầu tư	3,762,650,648	-	3,762,650,648	-
Tạm ứng	15,807,928,767	-	12,389,438,085	-
Ký cược, ký quỹ	14,770,412,309	-	31,075,237,237	-
Cho mượn	2,000,000,000	-	2,000,000,000	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	232,836,629	-	2,006,017,341	-
Phải thu khác	970,526,356	-	124,646,086	-
	41,408,681,634	-	54,128,656,819	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

b) Dài hạnKhoản đầu tư hợp
đồng hợp tác kinh
doanh

-	-	-	-
---	---	---	---

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27,055,547,509	-	24,292,250,578	-
Công cụ, dụng cụ	351,133,060	-	47,838,690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3,187,339,891	-	4,793,767,533	-
Thành phẩm	30,692,599,391	-	19,966,462,084	-
Hàng hoá	55,059,250,904	-	68,346,187,249	-
	116,345,870,755	-	117,446,506,134	-

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	1,097,104,193	205,215,302
Dự án Kho Ngoại quan Lào Cai	-	-
Dự án Xây dựng kho nội địa 2	-	-
Dự án xây dựng trụ sở văn phòng	-	-
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	120,855,876,205	60,175,602,399
Dự án khác	-	-
	121,952,980,398	60,380,817,701



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	89,651,974,735	62,083,112,286	26,287,841,846	2,044,746,458	-	180,067,675,325
Mua trong kỳ	1,563,836,579			58,500,000		58,500,000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						1,563,836,579
Phân loại lại						
Số dư cuối kỳ	91,215,811,314	62,083,112,286	26,287,841,846	2,103,246,458	-	181,690,011,904
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13,066,891,005	651,807,441	3,021,780,656	739,048,101	-	17,479,527,203
Khấu hao trong kỳ	1,661,941,206	1,109,043,849	682,869,627	65,193,561		3,519,048,243
Phân loại lại						
Số dư cuối kỳ	14,728,832,211	1,760,851,290	3,704,650,283	804,241,662	-	20,998,575,446
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	76,585,083,730	61,431,304,845	23,266,061,190	1,305,698,357	-	162,588,148,122
Tại ngày cuối kỳ	76,486,979,103	60,322,260,996	22,583,191,563	1,299,004,796	-	160,691,436,458

3.T.P.H
 IG BÌNH
 HẬP K
 PHÂN
 IG TY
 7308

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Giá trị quyền sử dụng đất</u> VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	86,775,441,439
Mua sắm mới	
Số dư cuối kỳ	<u>86,775,441,439</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>86,775,441,439</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>86,775,441,439</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/03/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	242,330,794	265,819,092
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7,770,885,980	7,867,712,010
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	677,499,631	758,333,335
	<u>8,690,716,405</u>	<u>8,891,864,437</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất dài hạn	284,044,911,729	314,640,611,052
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,094,162,217	4,351,898,676
Chi phí sửa chữa tài sản	4,378,940,606	2,478,768,704
Chi phí trước hoạt động	568,496,879	3,333,665,295
Chi phí trả trước dài hạn khác	3,720,311,774	
	<u>293,806,823,205</u>	<u>324,804,943,727</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả nợ</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả nợ</u> VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
MARUBENI CORPORATION	-	-	28,996,717,355	28,996,717,355
Cty CP vật tư và XNK hóa chất Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	64,794,940,839	64,794,940,839	60,851,751,400	60,851,751,400
Phải trả các đối tượng khác	103,365,724,800	103,365,724,800	153,361,399,576	153,361,399,576
	50,625,104,353	50,625,104,353	40,197,239,257	40,197,239,257
	<u>218,785,769,992</u>	<u>218,785,769,992</u>	<u>283,407,107,588</u>	<u>283,407,107,588</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Ngắn hạn	218,785,769,992	-	283,407,107,588	-
Dài hạn	-	-	-	-
	<u>218,785,769,992</u>	<u>-</u>	<u>283,407,107,588</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3,317,610	-	687,573,108	681,871,330	-	2,384,168
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	33,176,093	-	2,886,000,989	2,852,824,896	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7,479,683,202	-	4,996,770,150	-	2,482,913,052	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11,556,062	-	11,556,062	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5,000,000	5,000,000	-	-
	7,516,176,905	11,556,062	8,575,344,247	3,551,252,288	2,482,913,052	2,384,168

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	348,628,543	348,628,543
Chi phí phải trả khác	-	
	<u>348,628,543</u>	<u>348,628,543</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	117,880,232	77,155,232
Bảo hiểm xã hội	105,562,450	
Bảo hiểm y tế	18,408,757	
Bảo hiểm thất nghiệp	8,181,650	
Phải trả theo HD ủy thác XNK		1,628,840,178
	<u>250,033,089</u>	<u>1,705,995,410</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

	01/01/2017		Trong kỳ		31/03/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	775,941,200,000	775,941,200,000	607,810,179,170	710,949,200,000	672,802,179,170	672,802,179,170
- Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	252,600,000,000	252,600,000,000	285,486,245,000	252,600,000,000	285,486,245,000	285,486,245,000
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	55,855,500,000	55,855,500,000	36,892,387,085	34,855,500,000	57,892,387,085	57,892,387,085
- Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽³⁾	185,096,000,000	185,096,000,000	188,731,100,000	185,096,000,000	188,731,100,000	188,731,100,000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	149,583,500,000	149,583,500,000	67,837,500,000	105,591,500,000	111,829,500,000	111,829,500,000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Hải Phòng						
- Ngân hàng HDBank Chi nhánh Hải Phòng			27,872,000,000		27,872,000,000	27,872,000,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	132,806,200,000	132,806,200,000	990,947,085	132,806,200,000	990,947,085	990,947,085
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	7,374,640,000	7,374,640,000	-	93,660,000	7,280,980,000	7,280,980,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	374,640,000	374,640,000		93,660,000	280,980,000	280,980,000
	7,000,000,000	7,000,000,000			7,000,000,000	7,000,000,000
	783,315,840,000	783,315,840,000	607,810,179,170	711,042,860,000	680,083,159,170	680,083,159,170

SÁNG T. T. 17308
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	01/01/2017		Trong kỳ		31/03/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁸⁾	140,000,000,000	140,000,000,000	-	-	140,000,000,000	140,000,000,000
- Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng			10,000,000,000		10,000,000,000	10,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	749,280,000	749,280,000			749,280,000	749,280,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹¹⁾	160,363,825,085	160,363,825,085	54,704,687,500	-	215,068,512,585	215,068,512,585
	301,113,105,085	301,113,105,085	64,704,687,500	-	365,817,792,585	365,817,792,585



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Quý I/2016					
Số dư đầu kỳ	639,999,280,000	(5,666,100,000)	-	113,963,858,725	748,297,038,725
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	24,849,920,093	24,849,920,093
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(62,517,764,125)	(62,517,764,125)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	639,999,280,000	(5,666,100,000)	-	76,296,014,693	710,629,194,693
Quý I/2017					
Số dư đầu kỳ	693,299,280,000	(3,001,100,000)	7,727,786,496	89,875,142,342	787,901,108,838
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	19,961,980,551	19,961,980,551
Phân phối lợi nhuận	-	-	2,034,134,904	(3,119,006,853)	(1,084,871,949)
Tăng khác	-	(48,000,000)	-	-	(48,000,000)
Số dư cuối kỳ	693,299,280,000	(3,049,100,000)	9,761,921,400	106,718,116,040	806,730,217,440

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-HĐCĐ ngày 24/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất	83,44%	13,560,899,357
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	2,034,134,904
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	1,084,871,949
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	41,41%	77,032,669,344
Lợi nhuận chưa phân phối	27,03%	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	14.42%	100,000,000,000	14.42%	100,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Hương	13.27%	92,005,790,000	13.27%	92,005,790,000
Ông Daniel Rodney Badger	7.89%	54,679,500,000	7.69%	53,300,000,000
Các cổ đông khác	64.42%	446,613,990,000	64.62%	447,993,490,000
	100%	693,299,280,000	100%	693,299,280,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I/2017 VND	Quý I/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693,299,280,000	639,999,280,000
- Vốn góp đầu kỳ	693,299,280,000	639,999,280,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	693,299,280,000	639,999,280,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước		

d) Cổ phiếu

	31/03/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69,329,928	69,329,928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69,329,928	69,329,928
- Cổ phiếu phổ thông	69,329,928	69,329,928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69,329,928	69,329,928
- Cổ phiếu phổ thông	69,329,928	69,329,928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9,761,921,400	7,727,786,496
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	9,761,921,400	7,727,786,496

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/03/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)		

2007
 CÔNG
 CỔ
 XUẤT
 NHẬP
 KHẨU
 QUẢNG
 BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	739,397,574,090	1,195,551,138,113
Doanh thu bán thành phẩm	22,997,364,100	40,086,823,434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36,548,021,943	15,506,275,250
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	-	-
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận	-	-
	798,942,960,133	1,251,144,236,797

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	722,586,861,433	1,169,490,003,101
Giá vốn của thành phẩm đã bán	18,420,025,531	13,886,236,546
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17,737,001,570	6,049,478,364
	758,743,888,534	1,189,425,718,011

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,214,233,654	3,367,243,345
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	460,616,964	1,811,613,599
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	1,674,850,618	5,178,856,944

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2017	Quý 1/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	14,148,289,512	13,954,628,647
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	842,965,013	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(8,458,615,409)	-
Chi phí tài chính khác	-	4,367,753,661
	6,532,639,116	18,322,382,308

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Quý 1/2017</u>	<u>Quý 1/2016</u>
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143,565,063	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,294,889,616	14,331,117,170
Chi phí khác bằng tiền	18,647,038	1,981,484,083
	<u>9,457,101,717</u>	<u>16,312,601,253</u>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý 1/2017</u>	<u>Quý 1/2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	1,148,268,790	1,060,415,038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524,341,963	515,000,625
Chi phí đồ dùng VP	84,178,242	121,375,343
Thuế, phí, lệ phí	5,000,000	4,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837,525,698	440,729,142
Chi phí khác bằng tiền	384,240,132	204,385,148
Hoàn nhập dự phòng		(627,669,000)
	<u>2,983,554,825</u>	<u>1,718,236,296</u>

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Quý 1/2017</u>	<u>Quý 1/2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23,243,350,049	11,159,023,399
Chi phí nhân công	1,738,899,873	1,820,422,152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,519,048,243	1,694,279,764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,908,932,656	15,170,333,630
Chi phí khác bằng tiền	444,543,284	826,962,354
	<u>39,854,774,105</u>	<u>30,671,021,299</u>

8-C
 N
 KHAI
 JINH
 T.P.H.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng Quý I/2017

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 28/04/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**
Số:0104/2017/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****oOo*****

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý I/2017 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD của Công ty đạt 19,961 tỷ đồng, giảm 4,888 tỷ đồng so với quý I/2016. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý I/2017 của Công ty đạt 798,942 tỷ đồng, giảm 452,202 tỷ đồng tương ứng giảm 36,14% so với quý I/2016. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 3,504 tỷ đồng so với quý I/2016, tương ứng giảm 67,67%.
- Chi phí tài chính giảm 11,79 tỷ đồng tương ứng giảm 64,35% so với quý I/2016 do trong quý I/2017 Công ty đã thực hiện hoàn nhập trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM là 8,963 tỷ đồng. Lợi nhuận khác tăng 1,534 tỷ đồng, tương ứng tăng 282%.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý I/2017 giảm 4,888 tỷ đồng tương ứng giảm 19,67% so với quý I/2016.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý I/2017 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Hương